

Bản án số : 1319/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 28/11/2019

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 731/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 341/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1985

Thường trú: số 937 ấp T, xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thanh T, sinh năm 1983

Thường trú: số 308/21 đường C, Phường 10, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N trình bày:

Ông và bà Võ Thanh T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 cấp ngày 09/5/2008. Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 20/02/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T không biết cân đo đong đếm trong vấn đề tiền bạc, nợ nần từ lần này đến lần khác, đi làm công ty thì không lo làm mà gây nợ còn cãi lộn đánh lộn nhiều lần, hiện tại không có gì thay đổi. Sau nhiều lần xảy ra sự việc trên ông có bỏ qua lỗi lầm của bà T để cả hai tiếp tục

duy trì cuộc sống hôn nhân, nhưng sau đó mâu thuẫn vẫn phát sinh. Nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông đồng ý giao trẻ Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 20/02/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng trợ cấp là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết bất cứ tài sản gì.

Còn đối với chiếc xe Sirius Fi biển số 59F1 – 92983 là tài sản vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân, nếu bà T yêu cầu chia thì đó là yêu cầu của bà T chứ vợ chồng ông đã mua trả góp xong chiếc xe trên và ông đang là người sử dụng xe.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Võ Thanh T: Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/8/2019, bà T trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày của ông N về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và mỗi người sống một nơi. Đến gần giữa năm 2016 thì ông N có yêu cầu bà về chung sống đến tháng 5/2017 thì cả hai sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do ông N luôn nhắc chuyện tiền bạc và bà vẫn lo cho cuộc sống gia đình và cũng không muốn có chuyện hoài. Nay ông N yêu cầu ly hôn bà, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn, nên bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông N.

Về con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 20/02/2013 và yêu cầu ông N cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Tài sản vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe Sirius Fi biển số 59F1 – 92983 bà và ông N mua trả góp chung có giá trị 27.900.000 đồng, mỗi tháng trả góp 1.146.000 đồng, 05 kỳ cuối ông N không trả mà để một mình bà trả. Nay bà yêu cầu Tòa chia đôi tài sản trên. Ngoài ra bà không còn yêu cầu chia tài sản nào khác.

Về nợ chung: Không có.

Sau đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần hai nhưng bà T không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn N có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; Về con chung: đồng ý giao trẻ Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 20/02/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng trợ cấp là 3.000.000 đồng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết bất cứ tài sản gì; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Võ Thanh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn N yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Võ Thanh T có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Quận 3, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34 cấp ngày 09/5/2008 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tuấn N và bà Võ Thanh T là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại Công an Phường 10, Quận 3 hiện bà T đang cư trú tại địa phương và đã được tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn không có mặt. Như vậy, thể hiện bà T không quyết T hàn gắn gia đình, không còn tha thiết với cuộc hôn nhân của mình.

Xét tại các bản tự khai của bà T, các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cuối năm 2015 và mỗi người sống một nơi. Nguyên nhân theo bà T do ông N luôn nhắc chuyện tiền bạc. Còn nguyên nhân theo ông N do bà T không biết cân đong đo đếm trong vấn đề tiền bạc, nợ nần từ lần này đến lần khác, đi làm công ty thì không lo làm mà gây nợ còn cãi lộn đánh lộn nhiều lần, hiện tại không có gì thay đổi. Sau nhiều lần xảy ra sự việc trên ông có bỏ qua lỗi lầm của bà T để cả hai tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, nhưng sau đó mâu thuẫn vẫn phát sinh.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa ông N và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

Về con chung: hiện nay trẻ Nguyễn Võ Kim Ng sống chung với bà T nên ông N đồng ý giao trẻ Ng, sinh ngày 20/02/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng trợ cấp là 3.000.000 đồng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết bất cứ tài sản gì; Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung là chiếc xe Sirius Fi biển số 59F1 – 92983 có giá trị 27.900.000 đồng, Tòa án nhân dân Quận 3 đã tổng đạt Thông báo nộp tạm ứng án phí số 880A/TB-TA ngày 06/8/2019 cho bà T, nhưng bà T vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn N được ly hôn với bà Võ Thanh T.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 20/02/2013 cho bà Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Tuấn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết bất cứ tài sản gì.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014395 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp, ông Nguyễn Tuấn N chậm thực hiện N vụ cấp dưỡng thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Tuấn N và bà Võ Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND P.10, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huệ Chi